

Số: 19 /QĐ-QBVMT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông báo số 164/TB-QBVMT ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai về kết luận của Phiên họp Hội đồng Quản lý Lần I Năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 08 /TTr-QBVMT ngày 25 tháng 7 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản lý, Ban kiểm soát; Giám đốc Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QBVMT.



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐỒNG NAI
Phan Thị Mỹ Thanh

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-HĐQL ngày 6 tháng 8 năm 2013
của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh đối với công tác quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.
2. Quy chế này áp dụng cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Quỹ) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguồn vốn hoạt động

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ vốn điều lệ và các nguồn vốn khác gồm:

1. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách tỉnh cấp lần đầu khi thành lập là 10 tỷ đồng và nâng lên 200 tỷ đồng năm 2015.
- Hàng năm, ngân sách Nhà nước cấp bổ sung từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường để bù đắp kinh phí tài trợ cho các dự án nhiệm vụ bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm vốn hoạt động của Quỹ từ nguồn ngân sách duy trì thường xuyên ít nhất 100 tỷ đồng.

2. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn khác:

Nguồn vốn điều lệ và nguồn ngân sách cấp bổ sung hàng năm từ kinh phí sự nghiệp môi trường. Quỹ Bảo vệ môi trường được tiếp nhận các nguồn vốn hoạt động bổ sung hàng năm gồm:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Các khoản tiền bồi thường thiệt hại môi trường của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách theo quy định pháp luật.

- Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Lệ phí bán CERs (CERs là tên viết tắt của chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận).

- Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Bảo toàn vốn

1. Hoạt động của Quỹ thực hiện vì mục tiêu góp phần cải thiện chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh và theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận.

2. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn vốn hoạt động của Quỹ được cấp, quản lý và sử dụng vốn theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mục 1 QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN CHO HỖ TRỢ, TÀI TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Mức vốn và lãi suất cho vay:

a) Mức vốn vay của một dự án không vượt quá 70% (bảy mươi phần trăm) tổng mức đầu tư của dự án.

b) Lãi suất cho vay vốn không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố vào cùng thời kỳ.

Trường hợp đối tượng vay vốn trả nợ không đúng hạn theo Hợp đồng tín dụng thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất cho vay đã được ký kết trong Hợp đồng tín dụng.

2. Thẩm quyền quyết định cho vay:

a) Chủ tịch Hội đồng Quản lý quyết định cho vay đối với các khoản vay trên 01 (một) tỷ đồng.

b) Giám đốc Quỹ quyết định cho vay đối với các khoản vay từ 01 (một) tỷ đồng trở xuống.

3. Trích lập quỹ dự phòng và xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay:

a) Trích lập quỹ dự phòng rủi ro

Quỹ phải trích lập quỹ dự phòng rủi ro hàng năm tính trên tỷ lệ (%) của tổng số dư nợ cho vay để xử lý bù đắp các rủi ro trong cho vay. Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Hàng năm, Hội đồng Quản lý quyết định tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng rủi ro tại phiên họp định kỳ hàng năm.

b) Việc xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 12 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 5. Tài trợ

1. Tổng mức tài trợ tối đa của Quỹ không vượt quá 02% (hai phần trăm)/năm tổng nguồn vốn hoạt động.

Mức vốn tài trợ tối đa cho một dự án không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng chi phí đầu tư cho các nội dung bảo vệ môi trường của đối tượng được tài trợ.

2. Hàng năm, Quỹ đề xuất các nội dung, tổng mức tài trợ, trình Hội đồng Quản lý quyết định.

Trường hợp vượt quá mức tài trợ nêu trên, Giám đốc Quỹ đề xuất Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Mục 2

QUẢN LÝ TIỀN KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

1. Căn cứ văn bản của cơ quan thẩm quyền quy định việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai, Quỹ có văn bản thông báo, hướng dẫn việc ký quỹ theo quy định.

2. Quỹ xác nhận số lần và tiền ký quỹ tương ứng sau khi đơn vị ký quỹ thực hiện nộp tiền đầy đủ theo quy định vào tài khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của Quỹ.

3. Đơn vị ký quỹ được hưởng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm ký quỹ.

Điều 7. Thanh toán lãi suất

Quỹ trả lãi suất tiền gửi không kỳ hạn cho đơn vị ký quỹ bằng Hợp đồng ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Điều 8. Hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

Quỹ thực hiện việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở có văn bản của cơ quan thẩm quyền xác nhận đơn vị ký quỹ đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Mục 3

QUẢN LÝ NGUỒN THU VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Quản lý nguồn thu

1. Các nguồn thu:

- a) Tiền lãi từ hoạt động hỗ trợ cho vay của Quỹ;
- b) Tiền lãi từ tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng;
- c) Tiền lãi từ tiền gửi ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- d) Các khoản thu khác theo quy định.

2. Việc quản lý nguồn thu của Quỹ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 10. Quản lý chi phí hoạt động

1. Các khoản chi:

a) Chi thường xuyên, gồm:

- Chi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

- Chi phục vụ cho việc thực hiện công việc;
- Chi cho các hoạt động dịch vụ (kể cả chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định, chi trả vốn, trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật).

b) Chi không thường xuyên, gồm:

- Chi thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng;
- Chi vốn đối ứng thực hiện các dự án theo quy định;
- Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;
- Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Các khoản chi khác theo quy định.

2. Việc quản lý các khoản chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

Mục 4 **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN**

Điều 11. Tài sản của Quỹ

1. Nhà nước giao tài sản cho Quỹ quản lý và sử dụng hoặc Quỹ mua sắm bằng tiền do ngân sách nhà nước cấp, có nguồn từ ngân sách nhà nước, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Tài sản được xác lập sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật giao cho Quỹ sử dụng gồm: tài sản tài trợ, viện trợ của các Chính phủ, tổ chức phi Chính phủ nước ngoài và tổ chức quốc tế khác; tài sản do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng, cho và các tài sản khác được xác lập sở hữu Nhà nước.

Điều 12. Quản lý và sử dụng tài sản

Quỹ thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Luật Quản lý sử dụng tài sản nhà nước Quốc hội ban hành ngày 03/6/2008, Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ ban hành hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý tài sản nhà nước.

Mục 5

QUẢN LÝ TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 13. Cơ cấu tỷ lệ trả thu nhập tăng thêm và trích lập các quỹ

Cuối năm, sau khi cân đối thu - chi, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định, kinh phí được trả thu nhập tăng thêm và trích lập các quỹ theo tỷ lệ (%) như sau:

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: trích tối thiểu 25% (hai mươi lăm phần trăm).

2. Còn lại 75% (bảy mươi lăm phần trăm) được cân đối trả thu nhập tăng thêm và trích lập các quỹ gồm: Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập.

Điều 14. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

a) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản, ... phục vụ cho phát triển hoạt động của đơn vị.

b) Đầu tư cho nghiên cứu, đào tạo, tập huấn (trong và ngoài nước),.... nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho viên chức.

2. Trả thu nhập tăng thêm dùng để trả thu nhập tăng thêm cho viên chức đã hoàn thành nhiệm vụ và chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

Thu nhập tăng thêm được tạm ứng hàng tháng và sẽ thanh toán khi có kết quả quyết toán.

Trường hợp chi trả thu nhập trong năm được trích thấp hơn số được chi trả thu nhập tăng thêm thì số chi vượt được sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập để bù đắp.

3. Quỹ khen thưởng được dùng khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích hỗ trợ, đóng góp vào hoạt động của đơn vị.

4. Quỹ phúc lợi được sử dụng chi trợ cấp cho viên chức vào dịp Lễ, Tết Nguyên đán, nghỉ mát hàng năm, hiếu hỉ, trợ cấp khó khăn, chuyển công tác, trang bị đồng phục, khám sức khỏe định kỳ, quà sinh nhật và một số khoản chi khác có tính chất phúc lợi chung của đơn vị.

5. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập dùng chi trả lương cho người lao động trong trường hợp nguồn thu không đủ trả lương cơ bản cho người lao động và bù

đáp để trả thu nhập tăng thêm, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi nếu không đủ chi trong năm.

Điều 15. Quản lý và sử dụng các quỹ

Việc trả thu nhập tăng thêm và sử dụng các quỹ phải thực hiện theo quy định của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

Chương III CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 16. Lập kế hoạch tài chính

1. Bổ sung nguồn vốn

a) Đối với nguồn vốn được ngân sách cấp bổ sung hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập kế hoạch bổ sung nguồn vốn hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xem xét, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với nguồn vốn vận động tài trợ, viện trợ hoặc các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật, Quỹ có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Lập dự toán thu, chi tài chính:

Quỹ có trách nhiệm lập dự toán thu, chi tài chính hàng năm, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ban Kiểm soát Quỹ và trình Hội đồng quản lý phê duyệt.

Điều 17. Chế độ tài chính

1. Chế độ tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Chi phí cho hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu trừ đi tổng chi phát sinh trong năm và các nghĩa vụ thuế theo quy định.

Điều 18. Chế độ kế toán

Bộ phận kế toán Quỹ phải mở sổ kế toán ghi chép, theo dõi, hạch toán kế toán các khoản thu, chi của Quỹ, thực hiện theo đúng chế độ tài chính, kế toán quy định. Các khoản chi thực hiện theo dự toán được duyệt, có chứng từ hợp

pháp, hợp lệ. Kết thúc năm tài chính, lập báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính, kế toán của Quỹ được lập theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo về tính chính xác, trung thực của số liệu.

2. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ phải lập Báo cáo tài chính năm, gửi Ban kiểm soát thẩm định, trình Hội đồng Quản lý thông qua, báo cáo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

3. Kết quả hoạt động tài chính hàng năm của Quỹ được công bố công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Kiểm toán

Quỹ tự tổ chức kiểm toán nội bộ về tài chính. Kết quả kiểm toán được báo cáo với Hội đồng Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Kiểm soát theo quy định. Trường hợp cần thiết Quỹ có thể thuê đơn vị có chức năng kiểm toán và chi phí thuê kiểm toán được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

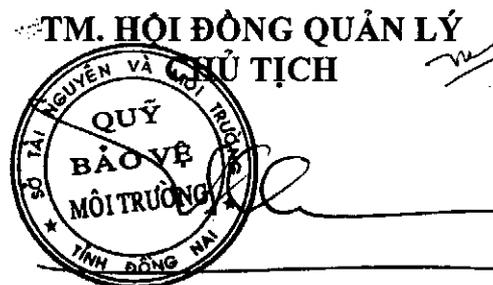
Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 22. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường do Giám đốc Quỹ đề xuất, báo cáo, lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Kiểm soát Quỹ, các thành viên Hội đồng Quản lý, trình Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định./.



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐỒNG NAI
Phan Thị Mỹ Thanh